BUMATECH

Keo dán gạch • Chống thấm • Vữa khô • Hoá chất xây dựng

QUY TRÌNH THI CÔNG · 2027



N2 · SÀN & NỀN

QTTC 12 NHÓM SÀN & NỀN

VỮA TỰ SAN CHO SÀN VINYL

5 lớp cấu tạo · 7 bước thi công · 3 điểm dừng ký nhận

SINGAPORE GREEN BUILDING COUNCIL MEMBER

VGBC STANDARD MEMBER

HỒ SƠ NĂNG LỰC BUMATECH

ZALO OA

QUY TRÌNH THI CÔNG · QTTC 12

01 MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI

Hướng dẫn công tác thi công vữa tự san làm phẳng sàn bê tông, sàn cán vữa trước khi dán sàn vinyl khu vực trong nhà cho các công trình nhà dân dụng, nhà cao tầng, bệnh viện, khách sạn, trung tâm thương mại.

Chỉ áp dụng cho khu vực TRONG NHÀ. Bốn loại vữa tự san thay thế nhau, chọn theo tải trọng sử dụng và độ dày cần bù.

02 CẤU TẠO HỆ THỐNG SẢN PHẨM



01	Bê tông / vữa cán nền
02	Lớp lót **BuMaPRIMER**
03	Vữa tự san **BuMaLEVEL** / **SLU 210.16** / **SLU 210.25** / **SLU 210.35**
04	Keo dán sàn vinyl (theo nhà sản xuất sàn)
05	Sàn vinyl

03 SẢN PHẨM TRONG HỆ

Lớp lót, vữa tự san, keo dán. **BuMaPRIMER** là bắt buộc. Vữa tự san có bốn phương án thay thế nhau — chọn một theo tải trọng khu vực và độ dày cần bù. Keo dán sàn vinyl là hàng bên thứ ba, dùng theo chỉ định của nhà sản xuất sàn.

BuMaPRIMER

LỚP LÓT · BẮT BUỘC

CHI TIẾT

Lớp lót gốc nước nền nhựa tổng hợp — cố định bụi mịn, giảm hút nước, hạn chế bọt khí nổi lên lớp vữa

Đóng gói	05kg/can và 20kg/can
Định mức	0,1 - 0,2kg/m², tuỳ tính chất bề mặt
Số lớp	1 lớp · Nền hút nước mạnh 2 - 3 lớp
Thời gian chờ khô	20 - 30 phút, tuỳ điều kiện công trường
Nhiệt độ bề mặt thi công	8 - 32°C
Phạm vi	Chỉ dùng trong nhà

Keo dán sàn vinyl

LỚP DÁN · HÀNG BÊN THỨ BA

Keo chuyên dụng dán sàn vinyl, PVC — không thuộc danh mục sản phẩm BUMATECH

> Chọn loại keo, định mức, dụng cụ trải keo, thời gian chờ và độ ẩm nền cho phép theo TDS của nhà sản xuất keo và nhà sản xuất sàn vinyl. Không có TDS BUMATECH.

Vữa tự san · Bốn phương án

LỚP LÀM PHẲNG · CHỌN MỘT

CHI TIẾT CHI TIẾT CHI TIẾT CHI TIẾT

Vữa tự san phẳng gốc xi măng, trộn với nước, đổ thủ công hoặc bơm — chỉ dùng trong nhà

Chỉ tiêu	BuMaLEVEL	SLU 210.16	SLU 210.25	SLU 210.35
Phân loại EN 13813	CT-C35-F7-B0,5	CT-C16-F5-B0,5	CT-C25-F6-B0,5	CT-C35-F7-B0,5
Độ dày mỗi lớp	1 - 10mm	2 - 10mm	2 - 10mm	2 - 10mm
Nước cho bao 20kg	4,0 - 4,2 lít	4,6 lít	4,6 lít	4,6 lít
Thi công hết mẻ trộn	10 phút (32°C) Xem ghi chú	10 phút (32°C)	10 phút (32°C)	10 phút (32°C)
Chịu nén 24 giờ 28 ngày (MPa)	≥ 15,0 (1 ngày) ≥ 35,0	≥ 7,0 ≥ 16,0	≥ 13,0 ≥ 25,0	≥ 22,0 ≥ 35,0
Cường độ bám dính	≥ 0,5MPa	≥ 0,5MPa	≥ 0,5MPa	≥ 0,7MPa
Đi lại nhẹ	~6 giờ (dày 3mm)	~3 giờ (dày 3 - 5mm)	~3 giờ (dày 3 - 5mm)	~3 giờ (dày 3 - 5mm)
Sẵn sàng cho lớp hoàn thiện	Sau 24 - 72 giờ	Sau 6 - 24 giờ	Sau 6 - 24 giờ	Sau 6 - 24 giờ
Thi công	Định mức ~1,70kg/m² cho mỗi 1mm · Nhiệt độ bề mặt 4 - 32°C · Máy trộn ~300 vòng/phút, ~2 phút · Không trộn quá 2 bao một lần			

TIÊU CHUẨN VIỆN DẪN

EN 13813:2002 · BS EN 13892-2:2002 · BS EN 13892-8:2002 · ASTM C1708-19

> Mẻ đã trộn phải thi công hết trong 10 phút (TDS v2026.10).

Quét mã QR ở mỗi thẻ để mở đúng TDS của sản phẩm đó trên bumatech.vn.

04 CÁC ĐIỂM CẦN LƯU Ý

13 điểm bắt buộc. Khối màu đỏ: làm sai thì hỏng cả hệ, không sửa được bằng cách quét thêm lớp nữa. Khối màu vàng: 3 khuyến nghị, không tính vào số điểm bắt buộc.

Điều kiện nền và môi trường

- Nền bê tông, vữa cán cứng chắc, cường độ bám dính bề mặt ≥ 0,5MPa đo bằng kéo nhổ (ASTM C1583). Không đạt thì không đổ vữa.
- Độ ẩm nền ≤ 6%. Đây là **ngưỡng quyết định** cho phép lăn lót và đổ vữa.
- Nhiệt độ bề mặt phải cao hơn **điểm sương ít nhất 3°C** — hơi nước đọng thành màng mỏng làm lớp lót mất bám dính. Tra nhanh ở Phụ lục A.
- Nhiệt độ bề mặt 8 - 32°C: **BuMaPRIMER** quy định 8 - 32°C; vữa tự san 4 - 32°C. Không thi công khi nhiệt độ không khí có thể xuống dưới 10°C trước khi vữa ninh kết.
- Mài tạo nhám đạt CSP 2 - 3 (ICRI 310.2R), hút sạch bụi, dầu mỡ, ba vớ, hợp chất bảo dưỡng. Vết nứt bơm sửa bằng epoxy **BOND 81** + **BOND 39**

Trộn và thời gian thi công

- Đổ nước trước, bột sau. Đong nước đúng tỉ lệ: SLU 4,6 lít, **BuMaLEVEL** 4,0 - 4,2 lít cho bao 20kg.
- Mẻ đã trộn phải **đổ hết trong 10 phút** (ở 32°C). Trộn tới đâu đổ tới đó, không trộn quá 2 bao một lần.
- **BuMaPRIMER** khô 20 - 30 phút mới đổ vữa. Nền hút nước mạnh: lăn 2 - 3 lần.

Những lỗi làm hỏng cả lớp vữa

- KHÔNG thêm nước quá tỉ lệ, KHÔNG thêm xi măng hay phụ gia khác — nước dư làm giảm cường độ, bám dính và gây nứt bề mặt.
- KHÔNG đổ quá 10mm một lớp; SLU không mỏng hơn 2mm, **BuMaLEVEL** không mỏng hơn 1mm. Cần 10 - 20mm: trộn thêm cát hạt 0,6 - 1,2mm, tối đa 30% khối lượng bột, thử trước.
- Không đi lại và không dán sàn sớm hơn TDS: SLU đi lại nhẹ sau ~3 giờ, dán sàn sau 6 - 24 giờ; **BuMaLEVEL** sau ~6 giờ và 24 - 72 giờ.

Trước khi chạy diện rộng

- Đổ thử một ô nhỏ để kiểm độ chảy, độ bám dính và tương thích giữa vữa, lớp lót và nền thực tế tại công trình.
- Kiểm tra phiên bản TDS mới nhất trên website trước mỗi dự án — TDS là bản có hiệu lực khi có sai khác.

Khuyến nghị — không phải điều cấm

- Vì SỨC KHOẺ NGƯỜI LAO ĐỘNG: khu vực kín, nóng nên bố trí thông gió, cho thợ nghỉ luân phiên; đeo khẩu trang khi đổ bột trộn.
- Đóng cửa, che ô thoáng tránh gió lùa và nắng rọi trực tiếp lên mặt vữa trong những giờ đầu — mặt vữa khô không đều dễ nứt chân chim.
- Độ ẩm không khí cao (trên 85%) không cấm thi công, nhưng lớp lót khô chậm hơn: chờ tới khi khô hẳn và đo lại điểm sương trước khi đổ vữa.

05 DỤNG CỤ THI CÔNG

19 món, chia 4 công đoạn.

01 Chuẩn bị bề mặt

	Máy mài sàn gắn chụp hút bụi	Tạo nhám mặt sàn đạt CSP 2 - 3
	Máy mài cầm tay	Mài góc, chân tường, vị trí máy mài sàn không tới
	Máy hút bụi công nghiệp	Hút sạch bụi sau khi mài, trước khi lăn lót
	Máy bơm keo epoxy	Bơm xử lý vết nút trước khi thi công
	Màng che có sẵn băng keo	Che chân tường, khung cửa, thiết bị

02 Lăn lót và trộn vữa

	Rulô lăn cán dài	Lăn đều **BuMaPRIMER** trên diện rộng
	Cọ bản	Dặm lớp lót ở góc và chân tường
	Ca đong nước	Đong đúng lượng nước cho bao 20kg
	Thùng trộn sạch	Trộn từng mẻ tối đa 2 bao
	Máy khuấy tốc độ thấp	~300 vòng/phút, trộn ~2 phút
	Máy trộn vữa tự san	Khối lượng lớn — trộn và đổ tại chỗ

03 Đổ và cán vữa

	Cữ độ dày tự dính	Dán trên nền đã lót, đổ vữa tới vạch
	Bàn cào răng	Dàn vữa và chỉnh đúng độ dày
	Rulô gai	Lăn phá bọt khí khi vữa còn ướt
	Giày đinh	Đi trên mặt vữa còn ướt không để dấu
	Máy bơm vữa	Phương án thay đổ thủ công cho diện rộng

04 Bảo hộ lao động

	Găng tay và kính bảo hộ	Bắt buộc khi trộn và đổ vữa
	Khẩu trang chống bụi mịn	Khi đổ bột vào thùng trộn
	Quần áo bảo hộ	Hạn chế tiếp xúc da với vữa có tính kiềm

THIẾT BỊ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN THI CÔNG

	Máy đo bám dính kéo nhổ	Xác nhận nền ≥ 0,5MPa (bước 6.1)
	Máy đo độ ẩm bề mặt	Độ ẩm nền ≤ 6% (bước 6.1); độ ẩm vữa trước khi dán sàn (6.6)
	Nhiệt kế bề mặt kèm nhiệt ẩm kế	Nhiệt độ 8 - 32°C, so điểm sương (bước 6.1, Phụ lục A)
	Máy cân bằng laser	Bắt cao độ, tính độ dày vữa (6.1), kiểm mặt phẳng (6.5)
	Thước nhôm	Kiểm độ phẳng nền và mặt vữa (bước 6.1, 6.5)

06 QUY TRÌNH THI CÔNG

7 bước, 3 điểm dừng. Các bước viền đỏ là **điểm dừng** — phải kiểm và ký nhận (Phụ lục B) mới được làm tiếp. Bỏ qua điểm dừng thì phần việc sau không được nghiệm thu.

6.1 Nghiệm thu nền

ĐIỂM DỪNG

Kiểm và ký nhận nền trước khi chạm vật liệu. Không đạt thì không thi công.

- **B1** Bê tông đã bảo dưỡng đủ 28 ngày; vữa cán nền cứng chắc, không bong, không rỗng.
- **B2** Đo cường độ bám dính bề mặt bằng kéo nhổ, đạt ≥ 0,5MPa.
- **B3** Đo độ ẩm nền, đạt ≤ 6%. Đây là ngưỡng quyết định cho phép thi công.
- **B4** Đo nhiệt độ, độ ẩm không khí và nhiệt độ bề mặt: bề mặt ≥ điểm sương + 3°C (Phụ lục A), trong khoảng 8 - 32°C.
- **B5** Bắt cao độ bằng máy laser, ghi độ dày vữa cần bù từng khu; chọn loại vữa theo tải trọng và độ dày.
- **B6** Lập biên bản nghiệm thu nền (Phụ lục B), có chữ ký nhà thầu thi công và giám sát.

6.2 Chuẩn bị bề mặt

Đưa nền về đúng trạng thái mà TDS yêu cầu.

- **B1** Mài sàn bằng máy mài có chụp hút bụi để đạt độ nhám CSP 2 - 3; mài góc, chân tường bằng máy mài cầm tay.
- **B2** Loại bỏ toàn bộ bụi bẩn, dầu mỡ, ba vớ, tạp chất, hợp chất bảo dưỡng và dầu bôi khuôn.
- **B3** Vết nứt: bơm sửa bằng epoxy **BOND 81** kết hợp keo epoxy **BOND 39** (xem mục 04).
- **B4** Hút sạch bụi lần cuối; che chân tường, khung cửa bằng màng che có sẵn băng keo.

6.3 Lăn lót và chuẩn bị đổ

Lớp lót quyết định độ bám và số bọt khí nổi lên mặt vữa.

- **B1** Lắc kỹ **BuMaPRIMER**. Đổ trực tiếp ra sàn, lăn đều bằng rulô cán dài, định mức 0,1 - 0,2kg/m².
- **B2** Dặm góc, chân tường bằng cọ bản. Không để bọt khí, không quét quá dày, không đọng vũng.
- **B3** Nền hút nước mạnh: lăn 2 - 3 lần. Chờ lớp lót khô 20 - 30 phút.
- **B4** Dán cữ độ dày trên nền đã lót theo cao độ đã bắt ở bước 6.1; chuẩn bị đủ bột, nước, nhân lực cho cả ô đổ.

6.4 Đổ vữa tự san

Đổ liên tục từng ô, định mức ~1,70kg/m² cho mỗi 1mm độ dày.

- **B1** Đổ nước sạch vào thùng trước — SLU 4,6 lít, **BuMaLEVEL** 4,0 - 4,2 lít cho bao 20kg — rồi đổ từ từ bột vào, vừa đổ vừa trộn.
- **B2** Trộn máy tốc độ thấp ~300 vòng/phút khoảng 2 phút đến khi đồng nhất, không vón cục; để phản ứng 1 phút rồi trộn lại. Không trộn quá 2 bao một lần.
- **B3** Đổ hết mẻ trong 10 phút. Đổ thủ công hoặc bơm, bắt đầu từ góc xa, lùi dần về phía cửa ra vào.
- **B4** Dàn vữa bằng bàn cào răng tới vạch cữ: SLU 2 - 10mm, **BuMaLEVEL** 1 - 10mm mỗi lớp. Mẻ sau đổ nối khi mép mẻ trước còn ướt.
- **B5** Đi giày đinh, lăn rulô gai phá bọt khí khi vữa còn ướt; gập hoặc tháo cữ trước khi vữa se mặt.

06 QUY TRÌNH THI CÔNG — TIẾP

6.5 Kiểm tra lớp vữa tự san

ĐIỂM DỪNG

Kiểm trước khi trải keo — dán sàn rồi thì không sửa được mặt vữa.

- **B1** Sau khi đi lại được (SLU ~3 giờ, **BuMaLEVEL** ~6 giờ): kiểm mặt phẳng bằng thước nhôm và máy laser theo yêu cầu của sàn vinyl.
- **B2** Soi toàn bộ mặt vữa: không nứt, không lỗ mọt, không bọt khí, không gờ nối mẻ; gõ kiểm tra không có tiếng rỗng.
- **B3** Đối chiếu định mức: số bao đã dùng chia diện tích phải khớp ~1,70kg/m² × độ dày thiết kế.
- **B4** Chụp ảnh hiện trạng, lập biên bản kiểm tra (Phụ lục B), có chữ ký hai bên.

6.7 Nghiệm thu bàn giao

ĐIỂM DỪNG

Bộ hồ sơ khép kín, đủ để truy ngược khi có sự cố bảo hành.

- **B1** Phiếu ký nhận ba điểm dừng 6.1 · 6.5 · 6.7 (Phụ lục B).
- **B2** Nhật ký thi công ghi ngày, nhiệt độ, số đo điểm sương, tổ thợ, số mẻ trộn, độ dày từng khu.
- **B3** Phiếu xuất kho ghi số lô **BuMaPRIMER**, vữa tự san và keo dán sàn đã dùng.
- **B4** Bộ ảnh hiện trạng từng giai đoạn: nền đã mài, đã lót, mặt vữa trước khi dán sàn.

6.6 Bảo dưỡng và dán sàn vinyl

Giữ mặt vữa nguyên vẹn tới khi đủ điều kiện dán sàn.

- **B1** Cấm đi lại trước ~3 giờ (SLU) hoặc ~6 giờ (**BuMaLEVEL**); không kéo lê vật nặng, không để nước đọng trên mặt vữa.
- **B2** Chỉ dán sàn sau 6 - 24 giờ (SLU) hoặc 24 - 72 giờ (**BuMaLEVEL**), tuỳ độ dày và nhiệt độ; lớp dày, trời lạnh thì chờ lâu hơn.
- **B3** Đo độ ẩm mặt vữa, đạt yêu cầu của nhà sản xuất keo và sàn vinyl mới trải keo.
- **B4** Trải keo dán sàn vinyl bằng bay răng cưa theo chỉ định, dán sàn và lăn ép theo hướng dẫn của nhà sản xuất sàn.

07 AN TOÀN THI CÔNG

- Vữa tự san chứa xi măng có tính kiềm — tiếp xúc với mồ hôi hoặc dịch cơ thể có thể gây kích ứng da, bỏng nhẹ; xi măng khô hoặc ướt đều có thể gây tổn thương mắt.
- Văng vào mắt: rửa ngay dưới vòi nước sạch chảy nhẹ 10 - 15 phút, không dụi mắt; đau rát kéo dài thì đến cơ sở y tế gần nhất.
- Bảo hộ: găng tay, kính bảo hộ và khẩu trang chống bụi mịn khi trộn, quần áo bảo hộ.
- **BuMaPRIMER** gốc nước: hạn chế tiếp xúc kéo dài với da, mắt; dính da rửa bằng nước và xà phòng. Khi phun, không hướng đầu phun về phía người.
- Thi công nơi thông thoáng; không đổ vữa thừa xuống cống — để khô và xử lý như rác xây dựng; cột kín bao đã mở.

Phụ lục A · Tra nhanh điểm sương

Đo nhiệt độ và độ ẩm không khí tại vị trí thi công, tra ra **nhiệt độ bề mặt tối thiểu** (đã cộng 3°C), rồi đo nhiệt độ bề mặt nền. Bề mặt thấp hơn số trong bảng thì chưa thi công. Sáng sớm và sau mưa, bề mặt thường mát hơn không khí nên dễ đọng sương nhất.

Không khí	RH 70%	RH 80%	RH 85%	RH 90%
20°C	18°C	20°C	21°C	22°C
25°C	23°C	25°C	26°C	27°C
30°C	27°C	30°C	31°C	32°C
35°C	32°C	35°C	36°C	37°C

Tính theo công thức Magnus. Giá trị trung gian lấy theo cột, hàng cao hơn liền kề.

Phụ lục B · Phiếu ký nhận điểm dừng

Điểm dừng	Chỉ tiêu	Kết quả	Nhà thầu	Giám sát
6.1 Nghiệm thu nền	Bê tông ≥ 28 ngày · Bám dính ≥ 0,5MPa · Ẩm nền ≤ 6% · Bề mặt ≥ điểm sương + 3°C · 8 - 32°C · Đã bắt cao độ			
6.5 Kiểm tra lớp vữa	Phẳng theo yêu cầu sàn vinyl · Không nứt, rỗng, bọt khí · Định mức ~1,70kg/m²/mm			
6.7 Nghiệm thu bàn giao	Đủ 4 nhóm hồ sơ ở bước 6.7			

Ghi ngày, giờ và số đo thực tế vào cột Kết quả. Một phiếu cho mỗi phân đoạn tường.

Khuyến cáo và miễn trừ trách nhiệm. Thông số kỹ thuật trong tài liệu này dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của BUMATECH tại thời điểm ban hành. Người sử dụng có trách nhiệm tiến hành các thử nghiệm riêng để đánh giá mức độ phù hợp của sản phẩm với yêu cầu thực tế của công trình. BUMATECH không kiểm soát điều kiện thi công và quá trình thi công nên không chịu trách nhiệm với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào có thể phát sinh. BUMATECH có quyền cập nhật lại thông tin bất cứ lúc nào mà không cần báo trước; bản cập nhật mới nhất được cung cấp khi có yêu cầu.

BUMATECH
Keo dán gạch • Chống thấm • Vữa khô • Hoá chất xây dựng

BỘ QUY TRÌNH THI CÔNG · 2027

30 QUY TRÌNH · MỘT HẠNG MỤC, MỘT QUY TRÌNH

NGẦM & BỂ CHỨA
7 QUY TRÌNH

- QTTC 01 Chống thấm tường tầng hầm
- QTTC 03 Bơm vữa, sơn hoàn thiện cột dầm
- QTTC 04 Chống thấm ốp lát tầng hầm
- QTTC 05 Chống thấm ốp lát bể nước
- QTTC 06 Chống thấm bể nước PCCC
- QTTC 13 Chống thấm ốp lát bể bơi
- QTTC 21 Ốp gạch tường hầm giao thông

NGẦM & BỂ CHỨA

SÀN & NỀN
6 QUY TRÌNH

- QTTC 02 Chất làm cứng mặt sàn
- QTTC 12 **Vữa tự san cho sàn vinyl**
- QTTC 18 Vữa tự san hiệu ứng bê tông
- QTTC 19 Chống thấm ốp lát sàn kháng hoá chất
- QTTC 23 Vữa tự san trên sàn gạch cũ
- QTTC 24 Lát gạch trên sàn gạch cũ

SÀN & NỀN

TRONG NHÀ & KHU ẨM ƯỚT
7 QUY TRÌNH

- QTTC 07 Chống thấm ốp lát phòng tắm
- QTTC 08 Chống thấm ốp lát ban công
- QTTC 09 Ốp lát gạch nhỏ trong nhà
- QTTC 10 Ốp lát gạch lớn trong nhà
- QTTC 11 Ốp gạch trên tấm cemboard
- QTTC 14 Sơn hoàn thiện tường trong nhà
- QTTC 22 Chống thấm ốp lát trên tấm cemboard

TRONG NHÀ & KHU ẨM ƯỚT

NGOÀI TRỜI
5 QUY TRÌNH

- QTTC 15 Ốp lát gạch ngoài trời
- QTTC 16 Chống thấm tường ngoài trời
- QTTC 17 Vữa trang trí tường ngoài trời
- QTTC 20 Chống thấm bảo vệ kết cấu bê tông
- QTTC 25 Chống thấm tường sơn cũ ngoài trời

NGOÀI TRỜI

SÀN MÁI
5 QUY TRÌNH

- QTTC 26 Chống thấm sàn mái lộ thiên
- QTTC 27 Chống thấm ốp lát sàn mái
- QTTC 28 Chống thấm sàn mái lợp ngói
- QTTC 29 Chống thấm sàn mái gạch cũ
- QTTC 30 Chống thấm ốp lát sàn mái gạch cũ

SÀN MÁI

SINGAPORE GREEN BUILDING COUNCIL MEMBER

VGBC STANDARD MEMBER

Chứng nhận cấp công ty — thành viên SGBC và VGBC

Thông số trong tài liệu được xác lập từ thử nghiệm phòng thí nghiệm ở điều kiện tiêu chuẩn; giá trị thực tế thay đổi theo nhiệt độ, độ ẩm, vật liệu đi kèm và tay nghề thi công. Kiểm tra phiên bản TDS mới nhất trên website trước mỗi dự án.

TRỤ SỞ CHÍNH
154/1/5 Cống Lở,
P. Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh

VĂN PHÒNG
91 Hoàng Bật Đạt,
P. Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh

NHÀ MÁY
820 Ấp Chánh, Xã Đức Lập,
Tỉnh Tây Ninh

HỒ SƠ NĂNG LỰC BUMATECH

ZALO OA

Hotline 0979 793 804

BUMATECH.VN